TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-PT.
Ngày: 12/5/2022
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngữ, ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2022 và ngày 12/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2021/TLPT- DS ngày 13/12/2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ".

Do bản án dân S sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2021/QĐ-PT ngày 11/2/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐ-PT ngày 3/3/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 39/TB-TA ngày 14/3/2022, Quyết định hoán phiên tòa số 73/2022/QĐ-PT ngày 28/3/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 19/2022/QĐ-PT ngày 15/4/2022 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị S, sinh năm 1959 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Việt Hùng, thị trấn Thắng, huyện H, tỉnh B

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị S: Luật sư Nguyễn Tuấn Anh - Công ty Luật TNHH Song Anh và cộng sư – Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

* ***Bị đơn:*** Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện H, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền của chị K: ông Nguyễn Văn Thành - sinh năm 1965; địa chỉ: số 8 Đại Bằng, Nguyễn Khuê, quận Đ, thành phố H theo văn bản ủy quyền ngày 29/10/2021 (Có mặt)

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Anh Tạ Văn Đạt, sinh năm 1975

(vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện H, tỉnh B

**** Người kháng cáo:*** Chị Hoàng Thị K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Lê Thị S trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng nên bà có cho chị K vay nhiều lần tiền nhưng chị K không trả được. Ngày ngày 11 tháng 11 năm 2011, bà và chị K có chốt nợ với nhau, chị Hoàng Thị K vay bà số tiền số tiền là 355.000.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng) có giấy vay do chị K viết và ký tên vào phần người vay tiền, khi viết giấy vay có bà Hoàng Thị Minh và bà Nguyễn Thị Thoa làm chứng. Hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3 nghìn một ngày, thời hạn vay thỏa thuận. Từ khi vay đến nay chị K không trả trả gốc và lãi cho bà. Bà S đã rất nhiều lần đòi chị K khoản tiền bà cho chị vay nhưng chị K không trả. Nay, bà yêu cầu chị Hoàng Thị K phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 355.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến tháng 02 năm 2021. Tạm tính theo quy định trung bình của ngân hàng: 9% năm (0,75%/tháng x 355.000.000đ) x 111 tháng = 2.662.500đ x 111 tháng = 295.537.500đồng. tổng 650.537.500đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc chị Hoàng Thị K phải thanh toán trả cho bà số tiền nợ gốc là 355.000.000đồng (ba trăm năm mươi lăm triệu đồng), nợ lãi là 295.537.500đồng.

Bị đơn chị Hoàng Thị K và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Tạ Văn Đạt đã được Tòa án thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không tham dự phiên tòa sơ thẩm.

Do có nội dung trên, bản án dân S sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Toà án nhân dân huyện H đã quyết định:

Áp dụng các Điều 463; 466; 468; khoản 2 Điều 357; 688 của Bộ luật Dân S. Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân S; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S. Buộc chị Hoàng Thị K phải thanh toán trả cho bà Lê Thị S số tiền nợ gốc là 355.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 295.537.500 (Hai trăm chín mươi năm triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng là 650.537.500đồng (sáu trăm năm mươi triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2021) cho đến khi thi hành xong bản án bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân S năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Chị Hoàng Thị K phải chịu 30.021.000đồng án phí dân S sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương S và hướng dẫn thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/10/2021, bị đơn là chị Hoàng Thị K có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm 15/4/2022, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm 12/5/2022:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương S không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Chị K cung cấp 14 giấy vay tiền bản gốc và 01 tờ giấy viết tay do bà S viết liệt kê các khoản vay mà chị K nợ bà S. Ngày 11/11/2011 không phải là ngày vay tiền, không có việc giao nhận tiền mà chỉ là ngày chốt nợ. Căn cứ bảng tổng hợp do chính bà S viết tay (bà S thừa nhận tại phiên tòa) thì chị K chỉ vay tổng số 292 triệu đồng, đã trả một phần tiền gốc và lãi, hiện chỉ còn nợ 269 triệu đồng. Việc cho vay lãi của bà S có dấu hiệu của việc cho vay nặng lãi, đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ sang Cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ hành vi vi phạm pháp luật hình S của bà S. Nếu không được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại theo hướng xác định chị K chỉ vay bà S số tiền 292 triệu đồng, đã trả một phần, hiện chỉ còn nợ 269 triệu đồng.

Nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: xác nhận tờ giấy liệt kê các khoản vay tiền do phía bị đơn giao nộp tại phiên tòa hôm nay (phần mực bi màu đen) là do chính bà S viết ra. Các giấy vay tiền gốc mà chị K cung cấp là đúng. Sau khi bà S liệt kê các khoản vay thì chị K viết giấy vay tiền, xác nhận đã vay bà S 355 triệu đồng. Việc chị K viết giấy vay là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc gì. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy vay tiền ngày 11/12/2011 để giải quyết vụ án. Có thể sau khi bà S liệt kê các khoản vay, chị K lại tiếp tục vay tiền của bà nên số tiền vay là 355 triệu đồng.

Đại diện VKSND tỉnh B phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh B và các đương S đã chấp hành đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân S.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh B áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân S, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả nguyên đơn 292.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền này kể từ ngày 1/12/2011 đến ngày 1/2/2021 theo lãi suất 0,75%/1 tháng.

Về án phí sân S phúc thẩm: Chị K không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về S vắng mặt của các đương S tại phiên tòa: Bị đơn là chị Hoàng Thị K vắng mặt nhưng có đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tạ Văn Đạt đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai. Tòa án xét xử vắng mặt chị K, anh Đạt là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân S.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Hoàng Thị K do ông Nguyễn Văn Thành đại diện theo ủy quyền:

[2.1] Về số tiền gốc:

Ngày 11/11/2011 chị Hoàng Thị K có viết giấy vay tiền của bà S số tiền 355.000.000đồng và có ký nhận vào cuối giấy vay tiền. Nay bà S khởi kiện yêu cầu chị K trả nợ cho bà. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo cho chị K đến Tòa án để hòa giải nhưng chị K không đến và cũng không có ý kiến gì phản hồi về việc khởi kiện của bà S. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị K phải trả bà S số tiền gốc là có căn cứ theo Điều 466 Bộ luật Dân S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp nhiều tài liệu chứng cứ mới bao gồm: 14 giấy vay tiền và 01 tờ giấy gốc có liệt kê chi tiết các khoản nợ do chính bà S viết ra.

Trong bản giấy viết tay (do bị đơn cung cấp tại phiên tòa), bà S chỉ liệt kê tổng số 20 mã vay với tổng số tiền vay là 292.000.000 đồng nhưng tại "Giấy vay tiền" ngày 11/11/2011 (do nguyên đơn cung cấp) thì chị K lại xác định vay của bà K 355.000.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng trong số 355.000.000 đồng chỉ có 292.000.000 đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi. Bà S và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng có thể chị K còn một số khoản vay khác nên số tiền viết trong giấy vay tiền do chị K tự viết là 355.000.000 đồng.

Lời khai của hai bên đương S có nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của bà S tại phiên tòa thì thấy: Các khoản vay do bà S tự viết, tự liệt kê phù hợp với các khoản vay theo giấy vay tiền riêng lẻ mà phía bị đơn cung cấp. Mặt khác, bà S cũng thừa nhận: sau

khi bà S tự liệt kê các khoản vay gốc còn chưa trả thì chị K đã viết "Giấy vay tiền" đề ngày 11/11/2011 để xác nhận số nợ. Do đó, có cơ sở xác định trong tổng số 355.000.000 đồng mà chị Quyên xác nhận nợ bà S vào ngày 11/11/2011 có 292.000.000 đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi như đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày.

[2.2] Về số tiền nợ lãi:

Các khoản vay của bà K được thực hiện trước ngày 11/11/2011. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: bà S chỉ yêu cầu chị K phải trả lãi kể từ 01/12/2011 đến tháng 2 năm 2021 (111 tháng) theo lãi suất 0,75%/1 tháng nên tính số tiền lãi theo thời gian và lãi suất trên. Bà S không kháng cáo hay có ý kiến gì về cách tính này.

Do số tiền gốc chị K vay bà S là 292.000.000 đồng nên số tiền lãi được xác định lại như sau: 292.000.000 đồng x 111 tháng x 0,75% = 243.090.000 đồng.

* Như vậy, chị K phải trả bà S tổng số tiền gốc và lãi là: 292.000.000 đồng + 243.090.000 đồng = 535.090.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày đã trả nguyên đơn một số tiền gốc và lãi; nguyên đơn có hành vi cho vay nặng lãi, đề nghị chyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ. Tuy nhiên, ngoài lời khai, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về án phí dân S sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân S; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo Nghị quyết:

Chị K có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà S tổng số tiền là 535.090.000 đồng nên chị K phải chịu số tiền án phí dân S sơ thẩm là:

20.000.000 đồng + 4%(135.090.000 đồng) = 25.403.600 đồng.

Bà S phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận nhưng được miễn do là người cao tuổi.

[3] Từ những đánh giá nêu trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của chị Hoàng Thị K do ông Nguyễn Văn Thành đại diện theo ủy quyền, sửa bản án dân S sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị K được chấp nhận một phần nên chị K không phải chịu án phí dân S phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân S và Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân S, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là chị Hoàng Thị K, sửa bản án dân S sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Toà án nhân dân huyện H.

Căn cứ các Điều 463; 466; 468; khoản 2 Điều 357; 688 của Bộ luật Dân S; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân S; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S. Buộc chị Hoàng Thị K phải trả bà Lê Thị S số tiền 535.090.000 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó có 292.000.000 đồng tiền gốc và 243.090.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2021) cho đến khi thi hành xong bản án bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân S năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân S sơ thẩm: Chị Hoàng Thị K phải chịu 25.403.600 đồng án phí dân S sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân S, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương S;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Giang

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết **Phạm Thị Minh Hiền** **Nguyễn Thị Hương Giang**